

TRIẾT LÝ VỀ ĐAU KHỔ VÀ TÌNH THƯƠNG CỦA NGUYỄN DU TRONG THI PHẨM KIM VÂN KIỀU

Qua tác phẩm Kim Vân Kiều, Nguyễn Du đã tỏ ra là một thi hào lỗi lạc về văn chương và là một nhà đại tư tưởng.

Với nhan đề quyền truyện là Đoạn Trường Tân Thanh, tác giả trình bày những tư tưởng mới về đau khổ (Tân Thanh). Vì sự đau khổ có nhiều liên hệ đến tình thương nên tác giả cũng đã trình bày thêm triết lý về tình thương. Ta lần lượt tìm hiểu hai triết lý đó ngõ hầu được hiểu rõ thêm nền tảng chính của hai tôn giáo lớn: Phật giáo dạy ta phải diệt khổ và Kitô giáo dạy ta phải có tình thương với mọi người.

A - TRIẾT LÝ VỀ ĐAU KHỔ

Tam giáo đã cho ta biết những nguyên nhân của đau khổ. Lão giáo cho là tiền định, Khổng giáo cho là thiên mệnh và Phật giáo cho là nghiệp chướng. Nguyễn Du xác nhận ba nguyên nhân đó nhưng cụ cho vẫn là chưa đủ. Vì thế cụ thêm nguyên nhân nữa là lòng người :

Sự rằng phúc họa đạo trời.

Cội nguồn cũng bởi lòng người mà ra.

Thật vậy dù tiền định hay thiên mệnh, những đau khổ mà trời áp đặt cho ta không phải là áp đặt một cách hồ đồ mà là được quyết định sau khi xem xét hành vi thiện ác của ta. Trời không bắt buộc ta phải làm điều ác hay điều thiện vì loài người được tự do chọn lựa. Nếu làm điều ác thì sẽ phải mang họa là chịu sự đau khổ để đền tội, nếu làm điều thiện thì được hưởng hạnh phúc. Trường hợp những đau khổ không do ta làm ra có thể coi là những thử thách mà Trời muốn đo lường giá trị con người, hay là những cơ hội

cho ta lập công đền những tội của tha nhân (cộng nghiệp).

Nhiều người tin rằng những người có tài có sắc thường phải chịu nhiều hoạn nạn.

Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau...

...Hồng nhan bạc phận có chừa ai đâu.

Theo Tân Thanh của Nguyễn Du, hoạn nạn chỉ đến với những người có tài có sắc mà kiêu ngạo:

Có tài mà cậy chi tài

Chữ tài liền với chữ tai một vần.

Nếu người có tài mà khiêm nhường đức độ thì tài và mệnh, sẽ đem lại hạnh phúc cho họ. Đó là trường hợp của Thúy Kiều được phủ đường tha tội và Hoạn Thư cho Kiều khỏi cảnh thanh y.

B - TRIẾT LÝ VỀ TÌNH THƯƠNG

Đọc Kim Vân Kiều, ta nhận thấy tác giả đã chia các nhân vật ra làm hai hạng, hạng người ác tâm chuyên gây đau khổ bằng những hành vi thất đức và hạng người thiện tâm chú trọng đến sự xoa dịu những nỗi đau khổ của tha nhân bằng Tình Thương.

Tình Thương, một đức tính cao cả làm đẹp tình người, xuất phát từ đáy lòng, bày tỏ bằng những cử chỉ đi từ giúp đỡ, tha thứ, thương khóc đến sự chấp nhận gánh vác đau khổ có khi tới mức hy sinh thân xác. Tất cả các hành vi thiện tâm đó đã được Nguyễn Du nói đến trong Kim Vân Kiều qua nhiều nhân vật:

1- Chung Ông thương Thúy Kiều nên đã tìm cách dàn xếp cho sự đánh đập Vương Ông được ngưng lại:

Thấy nàng hiểu trọng tình thâm

Vì nàng, nghĩ cũng **thương** thăm xót vay
Thương tình con trẻ thơ ngây
Gặp con vạ gió tai bay bất kỳ

2- Mụ quản gia ở nhà mẹ Hoạn Thư đã tỏ tình thương chăm nom săn sóc Thúy Kiều sau khi thấy nàng bị đánh đập:

*Quản gia có một mụ nào
Thấy người thấy nét ra vào mà **thương**
Khi chè chén, khi thuốc thang
Dem lời phương tiện mở đường hiếu sinh.*

3- Thúc Ông thuận cho Thúy Kiều lấy Kim Trọng vì thương nàng là con người đức hạnh:

***Thương** vì hạnh, trọng vì tài,
Thúc Ông thôi cũng dẹp lời phong ba.*

4- Hoạn Thư cũng giống Thúc Ông thương hoàn cảnh của Kiều thuận để cho nàng thành sư Trạc Tuyền:

*Tài thì nên trọng, tình thì nên **thương***

5- Kim Trọng thương khóc Thúy Kiều khi nghe Vương Ông nói đến gia biến khiến Thúy Kiều phải xa nhà:

*Vật mình, vấy gió tuôn mưa,
Dầm dề giọt ngọc thân thờ hồn mai*

6- Sư Giác Duyên nghe lời đạo cô Tam Hợp, tỏ tình thương xót thuê người dăng lưới, để cứu vớt Thúy Kiều:

*Thuê năm ngư phủ hai người
Đóng thuyền chực bến kết chài dăng sông*

Hành vi cao đẹp này chẳng khác gì hành vi của « Hội y sĩ thế giới » dùng chiếc tàu Quang đảo (Île de lumière) đi tuần tiêu trong vùng biển đông để cứu vớt những thuyền nhân Việt Nam lâm nạn.

7- Thúc Sinh tỏ lòng thương xót Thúy Kiều cứu nàng thoát khỏi nanh vuốt Tú Bà, nhất là khi nghe nàng nói:

*Thương sao cho vện thì thương
Tỉnh sao cho trọn mọi đường thì vâng*

Thúc Sinh cũng tỏ lòng thương nhớ Thúy Kiều khi hay tin nàng bị chết cháy:

Tìm đâu cho thấy cố nhân

*Lấy câu vận mệnh khuấy dần nhớ **thương***
8- Thúy Kiều không những đã làm tròn chữ hiếu với cha mẹ bằng sự bán mình. Nàng lại còn tỏ ra luôn luôn thương nhớ cha mẹ.

- Lúc ở lầu Ngưng Bích:
*Xót người tựa cửa hôm mai
Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ*

- Lúc ở với Thúc Sinh:
*Bóng dâu đã xế ngang đầu
Biết đâu ấm lạnh, biết đâu ngọt bùi.*

- Lúc ở với Từ Hải:
*Xót thay huyền cỗi xuân già
Tấm lòng **thương** nhớ biết là có người*

Tình thương cha mẹ của Thúy Kiều lúc xa nhà giống như tình thương của Vũ Hoàng Chương đối với vợ con và Nguyễn Khuyến đối với bạn :

*Ngày đến bữa ăn thời nhớ vợ
Đêm về giấc ngủ lại thương con
(Vũ Hoàng Chương, Một Tháng Tròn)*

Nguyễn Khuyến thương nhớ Dương Khuê đến nỗi không uống rượu, không làm thơ và khóc:

*Rượu ngon không có bạn hiền
Không mua không phải không tiền không mua.
Câu thơ nghĩ đắn đo không viết
Viết đưa ai, ai biết mà đưa?*

.....
*Bác chẳng ở, dẫu van chẳng ở
Tôi tuy thương lấy nhớ làm thương
Tuổi già giọt lệ như sương
Hơi dẫu mang lấy hai hàng chứa chan.
(Khóc Dương Khuê)*

- Thúy Kiều cũng luôn luôn thương nhớ Kim Trọng :

*Tưởng người dưới nguyệt chén đồng
Tin sương luống hễ rày mong mai chờ...
...Xót thay chút nghĩa cũ càng
Dẫu lìa ngó ý còn vương tơ lòng*

- Thúy Kiều thương nhớ Thúc Sinh lúc chàng về quê thăm Hoạn Thư nên nàng đã cầu trời cho chàng được mọi sự bình an lúc đi đường:

*Đêm thu gió lọt song đào
Nửa vầng trăng khuyết ba sao giữa trời
Nén hương đến trước thiên đài
Nỗi niềm khấn chứa cạm lời vân vân*

Tình Thương của Thúy Kiều không những được tỏ bày với những người thân thuộc mà còn với cả toàn thể nhân loại. Sau khi nghe Vương Quan kể cuộc đời của Đạm Tiên, Thúy Kiều tỏ lòng thương khóc với người quá cố:

*Lòng đâu sẵn mối thương tâm
Thoắt nghe Kiều đã dầm dề châu sa*

Nàng đã khuyên Từ Hải bỏ nghiệp binh đao vì thương những nạn nhân của chiến tranh:

*Ngẫm từ gây việc binh đao
Đống xương Vô định đã cao bằng đầu
Làm chi để tiếng về sau
Ngán năm ai có khen đầu Hoàng Sào*

Đi xa hơn nữa Kiều đã hy sinh thân sống vì thương cha mẹ, muốn tránh cho cha mẹ khỏi phải buồn rầu thấy con sa vào lầu xanh:

*Lỡ làng nước đục bụi trong
Trăm năm để lại tâm lòng từ đây.*

Tấm lòng đây là tấm lòng thương xót cha mẹ. Sau khi Từ Hải bị tử trận vì nghe lời mình, Thúy Kiều đã tỏ lòng thương xót bằng sự quyên sinh, trăm mình xuống sông Tiền Đường:

*Giết chồng rồi lại lấy chồng
Mặt nào mà lại đứng trong cõi đời
Thôi thì một thác cho rồi
Tấm lòng phó mặc trên trời dưới sông
Trông vời con nước mệnh mông
Đem mình gieo xuống giữa dòng trường giang.*

Xem như vậy, Tình Thương của Thúy Kiều thật là dào dạt, nàng đúng là hiện thân của Tình Thương.

Tình Thương là đức tính cao quý nhất trong các việc lành. Chúa Kitô đã nói: « Tình Thương cao đẹp nhất là sự hy sinh thân sống cho người mình yêu ». Thúy Kiều như trên đã thực thi điều đó hai lần.

Trong lịch sử Việt Nam ông Lê Lai đã tỏ tình thương với dân chúng, đã xin chết thay cho Lê Lợi.

Gặp buổi thông dong, Thúy Kiều tâm sự với Từ Hải về cuộc đời vừa qua của nàng:

*Khi Vô Tích, khi Lâm Truy,
Nơi thì lừa đảo, nơi thì xót thương.*

Thúy Kiều nhận thấy rằng sự đau khổ của nàng là do sự lường gạt của bọn người ác tâm và những đau khổ đó cũng đã được xoa dịu ít nhiều nhờ những hành vi đầy tình thương của những người thiện tâm.

Qua cuộc đời Thúy Kiều, Nguyễn Du muốn chúng ta cho độc giả biết rằng cuộc sống ở trần gian này là một bể khổ do kẻ ác tâm gây ra. Nhưng ở đâu có tình thương thì ở đó nỗi đau khổ sẽ được giảm thiểu. Như vậy tình thương là một thân được để xoa dịu đau khổ.

Trong hiện tình đất nước, dân chúng Việt Nam ta đã phải gánh chịu quá nhiều đau khổ từ nửa thế kỷ nay chỉ vì bọn người thông trị chuyên môn lường gạt để hưởng thụ, họ tuyên bố một đảng thi hành một nẻo, không tôn trọng những lời đã tuyên bố và ký kết. Mong rằng lừa ám Tình Thương sẽ được ơn Trên thời tới non nước Rồng Tiên, hóa giải bạo cường để dân chúng sớm có hạnh phúc vui hưởng một cuộc sống an bình trong tự do, công bằng, bác ái.

*Khẩn nguyện ơn Trên thương rọi chiếu
Khấp nơi nhân thế lừa Tình Thương.
(Thu Tình Thương)*

Phượng Du Nguyễn Bá Hậu
(Paris)

NHẬN NƯỚC MỸ LÀ QUÊ HƯƠNG THỨ HAI

VŨ NGỌC BÍCH

Sáng thứ Sáu 25 tháng 4 năm 1975, khoảng 10 giờ, tôi đang ngồi làm việc thì chị giúp việc thân tín và con gái tôi lúc đó 11 tuổi, bước vào văn phòng tôi. Chị tới sát chỗ tôi ngồi, ghé tai tôi nói nhỏ: - Thầy về nhà gấp, cô có chuyện muốn nói với thầy. Tôi chỉ gật đầu và không muốn cho chị giúp việc nói thêm nữa, vì tôi đã biết vợ tôi muốn nói gì rồi. Trước đây, vợ tôi có làm việc ở phòng Điện toán của Hoa Kỳ tại phi trường Tân Sơn Nhất. Để tránh việc Việt Cộng sẽ trả thù những người đã cộng tác với Mỹ, chính phủ Hoa Kỳ đã cho lập danh sách ưu tiên cho nhân viên làm sở Mỹ di tản bằng cầu không vận.

Hàng ngày, những tin tức chiến sự không mấy khả quan từ miền chiến tuyến gửi về làm nản lòng những người ở hậu phương. Tại đơn vị tôi, lúc đó đại tá Nguyễn Hữu Đ. tới nhận chức Cục Trưởng Cục Mãi Dịch Quân Đội đứng vào lúc xế chiều của miền Nam. Tôi cũng nhận được nghị định thăng cấp Thiếu tá, sau 5 năm mang cấp bậc đại úy vào giai đoạn cuối cùng của cuộc chiến.

Đến văn phòng, từ sĩ quan cho tới anh em binh sĩ, ai cũng cảm thờ báo coi những tin tức nóng bỏng nơi trang nhất, bàn tán xì xào. Trong lòng mọi người, hầu như ai ai cũng bị giao động không ít thì nhiều. Tôi vẫn làm công tác đi thanh tra và thu nhận hàng tại các nhà kho của quân đội. Tôi đã thấy có một vài nhà thầu và giám đốc các công ty lớn lạng lẽ ôm tiền trốn ra ngoại quốc. Họ bỏ đi và không thi hành kế ước. Mặc dầu đơn vị tôi đã gửi văn thư cảnh cáo sẽ áp dụng biện pháp chế tài, họ vẫn bất chấp và cứ tiếp tục bỏ nước ra đi.

Việc ra đi hay ở lại cũng là vấn đề gây nhiều tranh cãi sôi nổi giữa vợ chồng tôi trong suốt mấy tuần qua. Vợ tôi đã ghi tên gia đình vào danh sách di tản, và chúng tôi đã nhận được “manifest” xác nhận chờ ngày đi. Là một quân nhân, tôi cảm thấy hổ thẹn khi chưa chiến đấu gì mà đã bỏ đồng đội, bỏ bạn bè, lén lút ra đi.

Tôi đã gay gắt nói với vợ tôi :

- Minh cứ dẫn con đi trước. Tôi ở lại, một thân một mình, lúc nào đi chẳng được! Vợ tôi vừa năn nỉ, vừa giận dữ, dùng đủ mọi cách để thuyết phục tôi cùng với nàng và bốn đứa con cùng đi một lượt :

- Anh nói giờ hơi lắm! Bao nhiêu người chạy chọt đủ mọi cách, để xin cho được một chỗ trong “manifest”. Họ sẵn sàng bỏ ra hàng ngàn đô la để đổi lấy một chỗ di tản bằng máy bay ! Anh không biết anh may mắn hơn hàng trăm ngàn người sao ?

Tôi tần ngần :

- Nhưng em không thấy vợ chồng mình vất vả dành dụm mười mấy năm nay, mới mua được căn nhà nhỏ này. Sang đến Mỹ, anh không có nghề nghiệp gì chuyên môn, rồi mình lấy gì mà sống. Vợ tôi đau khổ ngắt lời tôi :

- Một cái nhà này, chứ cả chục cái nhà nữa cũng bỏ hết ! Sang đến đó, có cả ngàn người như mình nữa chứ. Có chi phải lo không có việc làm ? Không làm việc này, thì làm việc nọ ! Tôi cố vớt vát :

- Em không thấy hôm rồi, tổng thống Thiệu vừa lên TV nói gì sao ! Chính ông ấy cũng ở lại, sát cánh với quân đội, cùng chiến đấu bảo vệ miền Nam mà !

Vợ tôi cười nhạt :

- Anh nói vậy, là anh không biết gì hết rồi. Con bạn đồng nghiệp của em lấy một sĩ

quan Mỹ ở cơ quan DAO. Nó vừa ghé nhà mình thăm em. Nó nói chồng nó bảo sau bài diễn văn ấy, tổng thống Thiệu và gia đình được Mỹ đưa đi Đài Loan rồi ! Tôi cứ bán tín bán nghi. Thủ tướng Nguyễn Ba Cẩn vừa ra nghị định dọa trừng phạt bất cứ công chức quân nhân nào rời nhiệm sở. Đồng thời ông cũng ra lệnh đặt các nút chặn gồm quân cảnh lẫn cảnh sát được dàn ra trên cửa ngõ vào phi trường Tân Sơn Nhất, biên giới và dọc bờ duyên hải.

Suốt mười mấy năm chung sống, chưa lần nào chúng tôi bất đồng ý kiến trầm trọng như lần này. Vợ tôi bực mình phát khóc. Nang tha thiết nói với tôi qua hàng nước mắt

- Anh ở lại, lỡ tụi nó vào, tụi nó sẽ không tha anh đâu. Anh vừa có tội đi cư năm 54, vừa là sĩ quan đã từng chống lại chúng ! Anh đi với em và các con nhé. Một mình em ra đi, với một bầy con như thế, làm sao em xoay sở cho được ! Cứ như thế, mấy đêm rồi, tôi không ngủ được tròn giấc bao giờ, vì những lời nói, tiếng khóc của vợ tôi cứ lẩn quẩn trong đầu óc tôi.

Trong khi đó, mấy nhân viên trong phòng tôi xúm lại chỗ con gái tôi. Họ đang thì thầm hỏi chuyện con bé. Thấy tôi đưa mắt nhìn, họ lảng đi chỗ khác. Tôi bảo chỉ giúp việc và con gái tôi đón xe xích lô máy về trước, và nói với vợ tôi cứ chờ ở nhà.. Tôi lặng người đi phía sau bàn giấy. Trong lòng đầy băng khuâng, bối rối, tôi nhìn những nhân viên đã từng cộng tác với tôi trong vòng tám năm qua tại đơn vị này. Phóng tầm mắt xa hơn, tôi nhìn về phía cây tùng bách tán. Không hiểu sao, tôi thấy cây tùng bách bỗng trở nên thân thiết như một người bạn !

Tôi lẩm bẫm một cách vô thức :

- Tùng bách tán ơi ! Ta sắp xa mi rồi !

Một nhân viên dân chính, bác Thu, được biệt phái tới làm việc ở phòng tôi từ ngày thành lập đơn vị. Bác với tôi thân thiết như

người nhà. Bác Thu thường tâm sự với tôi những chuyện riêng tư, và tôi cũng, chia sẻ với bác những ưu tư thời cuộc. Đến sát bàn tôi, bác Thu ngồi xuống nhìn tôi. Chưa bao giờ tôi thấy khuôn mặt bác buồn rầu như vậy. Bác chớp chớp mắt :

- Chắc bà xã của thiếu tá cho người làm đến kêu thiếu tá về đi Mỹ, có phải không ? Hôm nay, ngay cả với bác Thu, người bạn già thân thiết nhất của tôi trong sở, tôi cũng không dám nói sự thật. Tôi trả lời vắn tắt, trong bụng tôi biết là bác cũng biết tôi nói dối:

Tôi có chút việc nhà phải về gấp, xong việc có thể tôi trở lại sớm. Rất may, trong giờ đó đa số nhân viên trong phòng tôi đã rủ nhau xuống Câu lạc Bộ để giải khát. Chỉ còn tôi và người công chức già ngồi tâm sự. Một niềm xúc động mãnh liệt dâng tràn trong lòng tôi.. Trước khi ra về, tôi lấy chìa khóa ngăn kéo nơi bàn giấy, trong đó để các hồ sơ và một số vật dụng cá nhân, đưa cho bác Thu

Tôi nói :

- Bác cứ tự nhiên, dùng được cái gì thì dùng. Tôi cũng móc ví, lấy hết các giấy bạc loại lớn trong đó, dúi vào tay người công chức già một nắm tiền.

Tôi vỗ nhẹ vai bác :

- Bác giữ lấy để tiêu đi.

Người nhân viên của tôi ngạc nhiên, đưa cả số tiền trả lại :

- Thiếu tá đừng làm vậy !

Tôi nói, thật khê :

Xin bác cứ yên tâm. Lúc này, tôi không cần tiền nữa. Nghe lời nói quả quyết của tôi, bác cảm ơn rồi rút, nhét tiền vào túi quần phía sau và tiễn tôi ra tận xe. Tới lúc đó, tôi mới cho bác biết là rất có thể tôi sẽ rời Saigon vào chiều nay, nếu có chuyến bay đi Mỹ. Vừa nghe nói tới đó, bác cảm động ôm mặt khóc.

Tôi đặt nhẹ tay lên vai bác Thu, an ủi bác; rồi mở máy, chiếc xe từ từ lăn bánh ra khỏi công. Người lính gác đưa tay chào tôi,

và tôi giờ tay chào lại. Tôi quay nhìn lại công doanh trại một lần chót. Tôi thầm nghĩ, chắc hẳn bữa nay là ngày tôi già từ đời binh nghiệp ! Trước mắt tôi, bầu trời như sụp tối, thời gian như ngừng trôi. Chiến tranh “Ý Thức Hệ” đã gây tang tóc và đổ vỡ cho biết bao gia đình. Một sự mất mát quá lớn lao. Cuộc đời tôi, từ nay, đã rẽ vào một khúc quanh mới, không biết sẽ dẫn tới đâu, mà tôi phải chấp nhận, một chấp nhận quá phũ phàng ! Tôi đã biết rõ chính sách tàn bạo, thâm độc của người Cộng Sản khi họ chiếm làng tôi. Họ đầu tó, đầy ải hàng chục gia đình trung nông đã từng đóng góp tiền của, xương máu trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Suốt trong hơn hai mươi năm thống trị miền Bắc, họ đã bản cứng hóa nhân dân, áp đặt lối cai trị hà khắc làm cho hàng triệu người khôn khổ ! Tôi sẽ phải bỏ nước ra đi, tìm TỰ DO bằng bất cứ giá nào, vì tôi biết tôi không thể nào sống nổi dưới chế độ Cộng Sản được, dù chỉ là một ngày, một giờ !

Vừa về đến nhà, tôi thấy vợ tôi đang chuẩn bị một số áo quần, và vài thứ vật dụng, thuốc men lặt vặt. Ngoài ra, những thứ gì nặng và công kênh, tôi bảo nhà tôi bỏ lại hết. Đến chiều tối, tôi chất hai valise và vài túi xách nhỏ lên chiếc xe Austin Minivan. Vợ chồng tôi và các cháu sang chào cha mẹ tôi ở sát bên nhà tôi. Cha mẹ tôi rưng rưng nước mắt, nắm tay tôi cầu nguyện Chúa che chở chúng tôi đi được bình an. Tôi yên tâm ra đi, vì biết anh chị cả tôi có ba người con lập nghiệp tại Hoa Kỳ. Các cháu và người em ruột chị dâu tôi đã sẵn sàng bảo lãnh cho anh chị và cả ông bà nội nữa. Vợ tôi ngồi bên cạnh, và bốn đứa con tôi ngồi băng dưới. Tôi lái xe ra đi đến chỗ hẹn. Tối hôm đó, gia đình tôi, gồm hai vợ chồng và bốn đứa con, nghỉ tạm tại nhà ông anh vợ. Chúng tôi thấp thỏm chờ đợi xe bus tới đón ra phi trường. Các con tôi mệt, nên ngủ say sau khi tới. Chúng tôi

chờ đợi suốt cả đêm, mà chẳng thấy xe bus nào tới đón. Đối với tôi, cái đêm ấy dài vô cùng. Chúng tôi đứng bật dậy, rộn ràng, hồi hộp khi nghe thấy tiếng còi xe hơi ngoài ngõ, và thở dài nào nuốt khi bước ra công, thấy chỉ là một chiếc taxi nào đó. Cứ xôn xao hy vọng, rồi lại ngỡ ngàng chán nản suốt từ chập tối hôm trước đến sáng sớm hôm sau. Thế mới biết cổ nhân nói câu “Có thức đêm mới biết đêm dài” cũng không phải là sáo ngữ !

Sáng hôm sau, cũng chưa có xe tới đón. Ông anh vợ tôi là đại úy Nguyễn Văn An tòng sự tại Bộ Quốc Phòng bảo chúng tôi cứ về nhà, chờ ở đó, và ông sẽ đích thân dùng xe Jeep đưa chúng tôi tới thẳng cơ quan DAO, tức là văn phòng Tùy Viên Quân Lực Hoa Kỳ. Vừa về đến nhà, tôi dẹp quần áo và vật dụng linh tinh ở phòng khách sang một bên, rồi dựa vào chiếc ghế bành, ngủ ngon lành cho đến lúc nghe tiếng nói oang oang của bầy con nít con nít con nít làm tôi chợt thức giấc :

- Nhà này họ đi Mỹ, bà con ơi !

- Lại đây tụi bay, coi mấy người sắp đi Mỹ !

Tiếng ồn ào của bọn trẻ con tinh nghịch làm tôi hơi bực mình. Một đứa khác nói chen vào, đây về khoái trá trước sự đi hụt của chúng tôi :

- Nhà này không đi Mỹ đâu, tụi bay ơi ! Họ đi Mỹ Tho đó.

Và cả bọn cùng cất tiếng cười ranh mãnh. Nếu là những ngày thường, có lẽ tôi cũng ra phía trước, yêu cầu bọn chúng đi ra chỗ khác chơi. Nhưng lần này, với mặc cảm của một người toan tính trốn chạy, tôi chỉ dịu giọng mới với mấy đứa trẻ trạc tuổi con mình;

- Các em đi chơi chỗ khác, cho chú nghỉ ngơi một chút nhé !

Nói đoạn, tôi đưa chúng một túi kẹo chanh:

- Các cháu chia nhau ăn đi !

Tụi trẻ đi rồi, tôi đảo mắt nhìn các vật trong nhà, từ bộ bàn ghế tiếp khách mẫu gụ chúng tôi mới sắm, chiếc đàn piano hiệu

YAMAHA chúng tôi mới mua cho đứa con gái lớn cách đó sáu tháng, khi cháu bắt đầu học tại tư gia của nhạc sĩ Nghiêm Phú Phi ở khu Tân Định. Căn nhà vợ chồng tôi dành dụm bao nhiêu năm mới mua được này, tôi vừa thuê thợ tân trang và nói ra cho rộng. Chiếc xe Austin sáu chỗ, tháng trước, tôi đưa làm máy và sơn một lớp sơn mới, chạy thật tốt.. Tôi nghĩ tới sự khó nhọc của hai vợ chồng tôi trong suốt mười hai năm trường mới tạo dựng được chút sản nghiệp khiêm tốn như ngày hôm nay. Bỗng dưng một sớm một chiều chúng tôi sắp mất hết.

Nghĩ tới đó, tôi bỗng đổi ý, và nói với vợ tôi:

- Em này, mới hôm qua, ở tạm nhà anh của em một đêm, không phải nhà mình, mà anh đã thắm thía câu “Sây nhà ra thất nghiệp” rồi ! Thôi, anh không muốn đi đâu hết. Nhà mình, mình ở. Ra đi, với tương lai vô định, không nhà không cửa. Anh không muốn đi một chút nào nữa !

Vợ tôi ngạc nhiên :

- Anh ơi, anh nghĩ quẩn rồi ! Chiều hôm qua, anh nói với em là anh nhất quyết ra đi vì không sống nổi với Việt Cộng. Bây giờ, chỉ vì xe bus chưa tới đón, anh đã nản lòng, không chịu đi nữa !

Tôi nói :

- Nhưng mà còn nhà cửa, bao nhiêu thứ mà anh và em vất vả xây dựng bấy lâu nay ?

Vợ tôi gào lên :

- Những thứ đó, bỏ lại hết ! Mai một mình sẽ xây dựng lại. Còn người, còn cửa, mà anh?

Tôi cù nhây :

- Anh Nghiêm, anh Chinh, anh An, chú Hiền, chú Cảnh, cũng đều là quân nhân, có ai đi đâu ? Anh ở lại với các anh em của anh. Em có đi thì dẫn các con đi đi !

Đến lúc này, vợ tôi đã mất hết bình tĩnh. Nàng khóc nức lên, vừa khóc vừa kể lể :

- Anh đã có thời sống gần tụi nó ở ngoài Bắc. Các bác của anh ở lại đã bị tụi nó cắt cổ,

đầu tó, đầy đi tù rồi, anh không nhớ sao ? Rồi vụ Tết Mậu Thân, chỉ là trung sĩ, cũng bị chúng nó bắt đi, đập đầu hoặc sỏ giầy kềm gai chôn sống tập thể, anh không biết sao. Huống chi anh là thiếu tá. Tụi nó gặp anh là bắn liền ! Thử hỏi lúc đó, nhà cửa này, của cải dành dụm này, anh có chắc được hưởng không?

- Anh cũng phải nghĩ đến tương lai bốn đứa con anh nữa chứ ? Đi ra khỏi nước, dù em và anh không làm nên trò trống gì, con cái mình sẽ có nhiều cơ hội hơn là ở nhà rồi !

Trong lúc tôi ngồi chờ người ra, đầu óc hoang mang, không biết phải nói gì, nghĩ gì, vợ tôi vừa khóc vừa chạy sang nhà cha mẹ tôi ở kế bên. Nàng tin rằng chỉ có mẹ tôi khuyên giải tôi mới nghe ra. Đúng như nàng nghĩ, mẹ tôi qua ngay tức khắc. Bà nắm tay tôi, nhẹ nhàng khuyên bảo :

- Con may mắn lắm mới có người vợ đảm đang, xông xáo, lo cho con và các cháu ra đi. Hai anh Nghiêm và anh Chinh của con muốn đi lắm, mà không có cơ hội như con. Con có cơ hội tốt. Đừng bỏ lỡ dịp tiện hiếm có này ! Tôi nghe lời mẹ, hứa sẽ đưa gia đình đi. Quyết định của tôi đã làm thay đổi hẳn cuộc đời của chúng tôi và tương lai các con tôi .

Sáng chủ nhật ngày 27 tháng 4 năm 1975, gia đình tôi sửa soạn đi nhà thờ. Tôi cũng đang ăn dở dang tô phở do chị giúp việc vừa mua về thì anh cả của vợ tôi, đại úy Nguyễn Văn An, cũng vừa lái xe Jeep tới đậu ngay trước cửa nhà tôi. Anh cho biết chúng tôi chỉ có 10 phút chuẩn bị hành lý. Tôi bỏ đũa, giúp vợ tôi sắp xếp hành lý lần chót. Anh An giúp tôi chất hai chiếc valise lên xe Jeep. Vợ tôi đưa trả tiền công cho chị người làm, và tặng thêm cho chị một tháng lương nữa. Tôi đã gọn gàng trong bộ đồ dân sự, vợ tôi và bốn cháu ăn mặc thật giản dị. Cả gia đình tôi ngồi gọn trên chiếc xe Jeep, trực chỉ hướng Tân Sơn Nhất. Đại úy An nói, anh sẽ đưa chúng tôi tới thẳng cơ quan DAO.

Gần đến nơi, tôi chứng kiến cảnh người đi tản chen chúc, giành giật nhau một chỗ đứng sát cổng vào bên trong. Những chiếc xe Mercedes, Peugeot, Ford, Toyota, BMW còn mới toanh, không người lái, bỏ nằm ngổn ngang dọc theo bờ rào sát phi trường. Đại úy An dừng xe Jeep trước một trạm gác. Một trung sĩ quân cảnh Việt Nam và một quân cảnh Mỹ đang làm công việc xét giấy. Người quân cảnh Việt Nam xem Sự vụ lệnh công tác và tờ “Manifest” do tòa Đại sứ Mỹ cấp, rồi trao cho người quân cảnh Mỹ soát lại lần chót. Sau khi xem xét giấy tờ và nhìn vào trong xe kiểm soát, hai quân cảnh Mỹ Việt giơ tay chào và ra hiệu cho xe đi.

Thế là chúng tôi đã vào trong cơ quan DAO và trình giấy tờ trong khi các chuyên xe bus của tòa Đại Sứ Hoa Kỳ lần lượt chờ các nhân viên và thân nhân tới. Khung cảnh thật là náo nhiệt, tiếng người nói chuyện thật là ồn ào. Trên bầu trời, từng đoàn trực thăng bay tới bay lui như những con chuồn chuồn khổng lồ, hết chiếc này vừa đáp xuống, thì chiếc kia lại bốc lên, có lẽ để đi đón người đi tản ở một địa điểm khác. Chúng tôi được chia ra từng toán, mỗi toán hai mươi người. Bây giờ chỉ còn việc đợi xe bus tới chờ ra máy bay. Trong lúc chờ đợi, tôi đảo mắt nhìn xung quanh, qua hai lớp hàng rào giầy kẽm gai bao bọc cơ sở này. Những người đi tản tới cơ quan DAO bằng xe taxi đều bị chặn ngay tại cổng để kiểm soát giấy tờ.

Một chiếc taxi vừa dừng lại phía ngoài cổng. Trên xe một thanh niên trạc hăm ba tuổi, một phụ nữ bế đứa bé khoảng hai tuổi, và một cặp vợ chồng lớn tuổi lần lượt bước xuống. Tôi đoán chừng ông bà này là cha mẹ của người phụ nữ và chàng thanh niên kia là con rể. Chàng thanh niên đưa xấp giấy tờ cho người cảnh sát gác cổng; người này xem qua rồi đưa qua viên trung sĩ quân cảnh đứng cạnh. Người quân cảnh nói gì với chàng

thanh niên, và ra hiệu cho anh đứng sang một bên. Người phụ nữ bế con tiến lại phân trần với người quân cảnh, rồi người đàn ông lớn tuổi cũng đến, dường như vừa thuyết phục vừa năn nỉ, nhưng chỉ nhận được cái lắc đầu từ chối. Một lát sau, xe quân cảnh đi ngang. Chàng thanh niên bị mời lên xe. Người phụ nữ gào khóc, nắm chặt tay người thanh niên, không cho lên xe. Đứa bé cũng khóc thất thanh, ôm lấy chân anh ta. Thế là một cảnh giằng co xảy ra, làm huyên náo một góc cổng gác. Người phụ nữ trẻ cố năn nỉ hai quân cảnh Việt Nam tha cho chàng thanh niên.

Tiếng gào khóc của chị nghe thật thương tâm! Tôi để ý nhìn hai quân cảnh Mỹ đứng gần đó. Họ không can thiệp gì cả. Hai trung sĩ quân cảnh trên xe nói gì với người thanh niên. Anh ta thì thăm điều gì đó với người phụ nữ. Chị và đứa bé không gào khóc, nín kẻo nữa. Người thanh niên lên xe. Chiếc xe quân cảnh đi đâu, không ai biết. Tôi chỉ thấy cặp vợ chồng lớn tuổi và người phụ nữ trẻ, cùng đứa bé leo lên một chiếc taxi khác vừa đỗ người xuống. Chiếc xe đi ngược về phía cửa ngõ vào thành phố. Tôi chắc gia đình họ trở về nhà.

Tổng thống Trần văn Hương nhậm chức mới chỉ có mấy ngày, nhưng ông đã phải đương đầu với cảnh “đầu sôi lửa bỏng” của đất nước. Trên mặt báo, tôi đọc thấy tân thủ tướng Nguyễn bá Cẩn đã ra lệnh cho các viên chức có trách nhiệm phải ngăn chặn mọi thành phần quân cán chính trong hạn tuổi quân đội, không cho những người này xuất ngoại bằng bất cứ phương tiện gì, đường hàng không, đường bộ và cả đường biển nữa. Lệnh này được áp dụng triệt để. Báo chí thời đó tường thuật rõ ràng những trường hợp cơ quan công lực bắt giữ một số viên chức trong chính quyền, kể cả quân đội, đang trên đường vượt biên. Riêng trường hợp người thanh niên bị bắt giữ lại, tôi nghĩ cả người vợ và gia

đình bên vợ cũng kẹt ở lại luôn. Tôi không thể quên được tiếng khóc nức nở của người phụ nữ trẻ, khi người chồng bị bắt lại, và xe quân cảnh đưa đi. Tôi nghĩ, các viên chức Tòa Đại sứ Hoa Kỳ, khi chứng kiến cảnh bắt giữ thương tâm đó, có lẽ cũng bị “mất mặt” phần nào, vì chính phủ Hoa Kỳ đã đồng ý cấp giấy tờ cho cả gia đình người ta đi Mỹ, mà quân cảnh Việt Nam lại có quyền bắt giữ lại? Tôi thấy hai viên chức Hoa Kỳ ở bãi đậu xe, đứng gần chỗ chúng tôi đang chờ đợi, dùng máy liên lạc vô tuyến, gọi đi một chỗ nào đó; có lẽ giới chức cao cấp Việt Nam và Tòa Đại sứ Hoa Kỳ chăng? Bởi vì, khoảng 15 phút sau, tôi không còn thấy quân cảnh và cảnh sát ở ngoài cổng cơ quan DAO nữa.

Tôi nhớ lại những ngày tới Quân Vụ Thị Trấn Saigon, chỉ huy toán tuần tiễu hỗn hợp gồm cảnh sát, quân cảnh, để bắt đào binh và những người trốn quân dịch. Tới giờ cơm trưa, tôi dẫn toán tuần tiễu của tôi vào tiệm phở Tàu Bay đãi mỗi người một tô phở xe lửa và ly cà phê sữa đá. Chúng tôi ngồi ăn uống và nói chuyện vui vẻ trong tình đồng ngũ, coi nhau như những người thân thiết trong đại gia đình quân đội.

Bây giờ, gặp lại mấy người quân cảnh và cảnh sát, cũng trong sắc phục đó, nhưng trong hoàn cảnh thật éo le này, tôi mặc y phục dân sự, vì đã từ bỏ nhiệm sở để ra đi, còn những anh em đó vẫn còn ở lại, tiếp tục nhiệm vụ của mình, lòng tôi đâm ra e dè, sợ sệt, dẫu mặc cảm; nên không còn cái cảm giác thân thiết với những người đã từng cùng ở trong đại gia đình với tôi nữa!

Tôi thực sự cảm thấy không được thoải mái cho lắm khi phải đối diện với họ; mặc dù sau việc xảy ra hồi sáng và sự can thiệp của nhân viên Tòa Đại Sứ Mỹ, cảnh sát và quân cảnh Việt Nam chỉ còn nhiệm vụ giữ an ninh trật tự thôi, chứ không còn bắt giữ hay làm khó dễ những người di tản nữa. Nhìn sang

toán kê bên, tôi gặp trung tá Phan. Tôi quen biết ông mỗi lần tôi đi họp ở Tổng Cục Tiếp Vận, Bộ Tổng Tham Mưu. Thấy ông trong y phục dân sự, tôi quen miệng chào ông theo cấp bậc quân đội. Ông ghé sát tai tôi nói nhỏ:

- Thôi “toa” miễn cho “moa” đi.

Tới lúc đó, tôi biết mình lỡ lời, vội vàng nắm tay ông cười giả lả. Có lẽ lúc này, ông cũng mang chung một tâm trạng xấu hổ vì đã trốn chạy khỏi nhiệm sở như tôi, nên không muốn ai nhắc đến cấp bậc của mình. Khoảng 3 giờ chiều chúa nhật 27 tháng 4 năm 1975, một đoàn xe bus gồm 5 chiếc tới đậu ngay trước lối vào văn phòng cơ quan DAO. Chúng tôi lần lượt xếp hàng lên xe. Khoảng mười phút sau, đoàn xe hướng về khu vực nơi máy bay C.130 đậu, gần phía cuối phi đạo. Khi còn cách chỗ máy bay khoảng 40 thước, các xe bus ngừng lại. Người hướng dẫn trên xe yêu cầu chúng tôi xuống, sắp hàng một để đi về phía máy bay. Tôi nhìn ra phía trước, bên chiếc máy bay phản lực C.130, đã có sẵn hai người lính quân cảnh Việt Nam đứng chờ, ngay cửa phía sau đuôi máy bay. Chúng tôi lần lượt bước xuống xe bus, theo đoàn người di tản. Vợ và các con tôi đi trước. Còn tôi, một tay bồng cháu gái út Hồng Bảo, lúc đó mới hai tuổi. Đi sát phía sau tôi là đôi vợ chồng trẻ và đứa con nhỏ, cũng trong toán tôi. Người chồng là một kỹ sư điện làm việc cho một cơ quan Tiếp liệu Hoa Kỳ. Có lẽ hồi sáng, anh chị này đã chứng kiến cảnh người thanh niên bị bắt giữ lại, nên người vợ tỏ ra hết sức lo lắng khi nhìn thấy hai viên quân cảnh Việt Nam to lớn đứng nơi chân máy bay.

Chị quay về phía tôi hỏi nhỏ:

- Anh có biết tại sao quân cảnh Việt Nam vẫn còn ở đó không? Liệu chồng tôi đang trong lứa tuổi quân dịch có bị bắt lại không, thưa anh?

Tôi đưa mắt nhìn chị đang bồng cháu gái trạc tuổi đứa con gái út tôi, còn anh thì xách

- Theo tôi, nhiệm vụ của hai người quân cảnh này chỉ là canh gác máy bay, đề phòng phá hoại thôi. Giờ phút này, họ không bắt giữ ai như hồi sáng nữa đâu.

Tôi nói tiếp :

- Chị nên trao cháu nhỏ cho anh bé ! Minh cứ tự nhiên mà đi, đừng để ý gì đến họ, không sao đâu !

Người vợ trao đứa bé cho chồng, và đỡ hộ anh chiếc cặp trên vai. Chúng tôi đi trong toán đi tản cuối cùng, và chẳng bao lâu đã tới cửa phía sau đuôi của chiếc máy bay C. 130.

Tôi cố giữ nét mặt bình thân, nhìn về phía trước. Nhưng lúc đi ngang qua hai người quân cảnh, tôi biết chắc chắn họ đang chăm chú nhìn tôi. Chúng tôi vừa bước vào thân tàu, thì anh chồng đi phía sau tôi đặt đứa bé xuống sàn máy bay cho người vợ giữ. Anh lách mình, vượt qua tôi; vội vàng đi thẳng vào phòng vệ sinh, đóng sập cửa lại. Khi người đi tản cuối cùng đã vào hẳn trong máy bay, nhân viên phi hành kiểm soát một lần chốt; rồi bấm nút; chiếc cánh cửa vĩ đại phía sau đuôi máy bay từ từ đóng lại. Chúng tôi ngồi vào chỗ, được hướng dẫn cài dây an toàn, và những gì phải làm khi gặp trường hợp khẩn cấp. Mùi nhiên liệu phi cơ, mùi mồ hôi, mùi kim loại tỏa ra dưới nắng chiều gay gắt làm không khí chờ đợi thật ngột ngạt và căng thẳng. Động cơ chạy mạnh hơn, và chiếc máy bay lăn bánh, tiến dần ra phi đạo. Rồi tiếng máy rú lên, vận tốc tăng nhanh; chiếc C. 130 nhẹ nhàng cất cánh. Vừa lúc đó, người kỹ sư trẻ tuổi cũng từ phòng vệ sinh vội vàng bước ra; mặt xanh mét, như không còn hồn vía gì. Tôi đã đoán biết vì sao anh vào trong đó, nhưng cũng giả vờ hỏi :

- Bộ anh đau bụng dữ lắm hay sao mà ngồi trong nhà vệ sinh lâu quá vậy ?

Anh thật thà trả lời :

- Dạ, em có đau bụng gì đâu ! Sáng nay chúng kiến cảnh bắt giữ người thanh niên, đến giờ này em còn sợ, nên phải trốn vào phòng vệ sinh, chờ máy bay cất cánh mới dám đi ra.

Tôi cười nhẹ, thông cảm với nỗi lo sợ của cặp vợ chồng này.

Trạm đầu tiên đổ người tỵ nạn xuống là đảo Guam. Chúng tôi được phân phối tạm trú trong những căn lều thật lớn do công binh Mỹ vừa dựng lên, mỗi căn lều có sức chứa cả ngàn người. Buổi sáng hôm sau, tôi lên văn phòng trại ghi danh và điền vài mẫu giấy tờ hành chánh cho việc chuyển trại . Khi đang ngồi chờ ở trước văn phòng, cha mẹ tôi và cháu trai con ông anh cả tôi bước vào. Gặp lại tôi, mẹ mừng lắm, hỏi han riu rít. Thế là gia đình anh chị cả đã mang được cha mẹ tôi đi cùng, và chỉ đi sau tôi khoảng 4 tiếng đồng hồ, trên một chuyên máy bay khác. Những ngày sống nơi trại tạm cư ở Guam, ngoài những bữa ăn, gồm toàn món ăn Mỹ, chúng tôi thường đi ra biển Guam hóng mát, nhất là lúc xế trưa . Buổi tối, ban chỉ huy trại cho chiếu phim giải trí. Một số nghệ sĩ Việt Nam cũng họp nhau lại mỗi buổi chiều, trình diễn giúp vui cho đồng bào tỵ nạn. Điều đau buồn nhất đối với tôi, là chiều 30 tháng 4 năm 1975, khi hai đài phát thanh BBC và VOA loan tin Saigon bị thất thủ, và cả miền Nam đã rơi vào tay giặc Cộng. Chúng tôi ai nấy đều ngậm ngùi, xót xa chia sẻ nỗi đau đớn của đồng bào ruột thịt, từ nay sẽ sống dưới ách cai trị của bọn Cộng Sản độc tài và tàn bạo.

Tất cả mọi người chúng tôi đều mang chung một tâm trạng đau buồn. Tôi đã chứng kiến cảnh những người thiếu phụ trẻ, bên nách một đàn con thơ nheo nhóc, họ ngồi bên góc lều trại, hộc lên khóc, tiếng khóc đau đớn, náo nức, ai oán, kéo dài từng hồi. Những lúc như thế, vợ tôi lại chạy tới, dỗ dành, an ủi họ. Rồi tiếp đến căn lều bên cạnh, như bị xúc

động giậy chuyền, có người đã bật ra tiếng khóc, nhất là các bà các cô, vốn rất nhạy cảm. Chung quanh căn lều tạm trú, tôi nghe những tiếng khóc nức nở đầy vẻ căm phẫn. Những người đàn ông biểu lộ nỗi đau thương một cách lặng lẽ hơn. Tôi thấy những khuôn mặt trầm lắng, đanh lại, những đôi mắt đỏ hoe, những giọt nước mắt tủi hờn vừa mới lau khô. Ai ai đều ngậm ngùi trước cảnh gia đình tan

nát, vợ xa chồng; cha mẹ xa con, anh chị em lưu lạc khắp bốn phương trời... Tuy không nói ra, nhưng trong thâm tâm, tôi biết chắc chắn kể từ giờ phút này, tôi sẽ phải chấp nhận Hoa kỳ là quê hương thứ hai.

WŨ NGỌC BÍCH (California)

Gối Đầu Lên Hạnh Phúc

Gửi Thanh /Liên / Ninh

Nằm gác chân lên nhau
Chúng mình dường như
Đã thực sự
Gối đầu lên hạnh phúc!
Hạnh phúc ở đây
Dù chỉ một chút nhỏ
Nó cũng sao mà hiếm hoi
Khó có!
Ở một nơi mà đời
Lúc nào cũng chênh vênh!
Và hạnh phúc
Như một món quà
Hiếm tới!
Cuộc sống bấp bênh
Chìm nổi...
Từng ngày qua vạt vờ!
Sống,
Hầu như

Đã trở thành
Một thứ nợ!
Hai bốn giờ một ngày
Lao đao bề khổ!
Cuộc chìm nổi lợi danh
Mây khói!
Hạnh phúc có là bao
Mà tần tảo ngược xuôi!
Từng ngày đi
Buồn buồn tiếp nối!
Mấy lúc vui
Cho đổi được ngày buồn.
Hạnh phúc mình cho nhau
Có thật
Đừng để mất.
Một ngày vui
Là biết một ngày vui.
Những gì mình có đây
Hãy cố mà giữ lấy.

YÊN VI (Minnesota)

Mais Où Sont Les Neiges d'Antan? Tìm Đâu Những Áng Tuyết Xưa: Villon: Ballade des dames du temps jadis

Phạm Trọng Lệ

suu khảo và dịch

Vài Dòng Tiểu Sử Villon:

Francois Villon, thi-sĩ Pháp, tên thật là François de Montcorbier hay François Des Loges, sinh năm 1431, vào cuối thời Trung Cổ, không rõ chết năm nào, được coi như một nhà thơ trữ tình lãng du nổi tiếng. Ông lấy họ Villon là họ người bảo trợ, một vị viện trưởng một tu viện. Khi còn là sinh viên, ông học hành xuất sắc; chưa tới 21 tuổi đã đậu bằng Master of Arts ở đại học Sorbonne (nên còn được gọi là Master Villon). Nhưng vào thời đó, các trường đại học ở Paris còn dưới quyền điều khiển của các nhà tu sĩ, và sinh viên, nếu có tội, thì chỉ bị xử trước toà án đạo chứ không bị xử bởi toà án đời. Villon theo đòi đời sống trụy lạc của sinh viên, bạn bè với những phường vô lại, đánh nhau, có lần giết một nhà tu, năm ông 24 tuổi. Rồi từ đó vào tù ra khám, hay bị đi đày, vì ăn trộm ăn cướp, và có những hành động phạm pháp khác.

Những Biến Cố Lịch Sử trong Thời Villon.

1415: Henry V vua Anh đánh nhau với Pháp. Trong trận Agincourt, quân bộ Anh nhờ có những nỏ dài nên bắn xa, tên xuyên thủng áo giáp và thắng các hiệp sĩ Pháp. Quận công

Burgundy hoà hiệp liên minh với Anh. Miền Burgundy lúc đó gồm phía Bắc nước Pháp, Bỉ, Lục Xâm Bảo và Hà Lan bây giờ.

1428: Quân Anh vây Orléans, trên sông Loire; Joan of Arc (Jeanne d'Arc) được vua Pháp Charles VII cho cầm đầu 2,000 quân sĩ, đánh lui quân Anh, rồi đưa vua về nhà thờ Reims để đăng quang. Năm 1430, Joan of Arc bị bắt ở Campiègne, bị bán cho quân Anh, bị đưa ra toà, kết tội tà giáo và phù thủy, và bị đốt sống năm 1431. Năm đó Villon ra đời.

1455: Quân Pháp có trọng pháo do Jacques Coeur mua, đây

lui quân Anh về Calais.

1449: Villon (tên lúc đó là Montcorbier) đỗ bằng Bachelor of Arts.

1452: Villon tốt nghiệp Master of Arts.

1456: đêm Giáng sinh, Villon vào đại học College of Navarre ăn trộm; bị tù.

1461: được vua tha.

1461: viết tập Testament.

1462: bị tù vì tội trộm, bị kết tội xử giáo. Xin ân xá lên viện dân biểu.

1463: án xử giáo được bác, nhưng Villon bị đày khỏi Paris. Đi đâu, ở đâu, chết ở đâu, không thấy nói rõ.

Tác Phẩm:

Năm 25 tuổi, ông viết tập PETIT TESTAMENT, là một tập ca khúc laïcs [Có



hai dấu chấm trên chữ i], hay gọi là “legacies”, trong đó ông kể chuyện ông bỏ Paris, để lại một ít đồ đạc rẻ tiền cho bạn bè. Nhưng phải chờ đến năm 1461, ông viết tập GRAND TESTAMENT, một bài thơ dài 2 ngàn câu, giọng buồn, kể lại cuộc đời mình, một tên ăn xin, ăn trộm, châm biếm đời sống lúc đó, thì tài của Villon mới được công nhận. Trong tập này có mấy ca khúc (ballades) mà ca khúc nổi tiếng nhất là “Ballade des dames du temps jadis” mà nhà thơ Anh Dante Gabriel Rossetti, một nhà thơ lãng mạn thời Victoria, đã dịch sang tiếng Anh.

Năm 1462, ông đánh nhau ngoài phố, gây nên án mạng, và bị kết tội xử giáo. Ông viết bài ca “ballade des pendus” (“Ballad of the hanged men” “Ca khúc của tử tội bị xử giáo”) trong đó ông viết lời cho mộ bia của chính mình, trách con người bất công và xin Thượng đế tha thứ. Nhờ bạn ông can thiệp, án giáo được đổi sang án đầy. Và sau đó không ai nghe nói đến ông nữa. Bốn trăm năm sau, vào thế kỷ 19, ông được các thi sĩ Rossetti và Swinburne dịch thơ ông và trong thế kỷ 20, truyện đời ông được đưa vào mấy vở kịch và phim. Thơ của ông được nhà soạn nhạc và chơi đàn guitar Georges Brassens phổ nhạc (xem đoạn cuối bài này).

Thời Villon ở Pháp

Khi Villon còn sống, thành phố Paris vẫn còn bị quân Anh chiếm; sông Loire, chứ không phải sông Seine, là trục giao thông chính. Vào thời này, Paris chưa phải là kinh đô của văn vật. Thời đó, những vùng nổi tiếng là Ghent, Brussels, Antwerp hay Dijon. Paris lúc đó là một thành phố nghèo.

Tại đại học Paris, nơi đào tạo ra những học giả như Abélard và Peter Lombard, sinh viên học năm môn văn khoa tự do. Giáo sư giảng lớn tiếng, sinh viên nghe, ghi chú, thầy trò chỉ có

vài cuốn sách. Văn bằng đầu tiên là baccalauréat/baccalaureate, sau đó, nếu sinh viên muốn học thêm, thì soạn thi “licence/license” để đi dạy, và sau đó là bằng như Master of Arts bây giờ. Đồ bằng này có thể lên học các phân khoa gọi là “facultés/faculties” chuyên môn: thần học, triết học, giáo luật, nhưng chưa có các môn như luật và y khoa. Danh từ “université” lúc đó chỉ một nhóm người đồng mục tiêu học hỏi như các phường công nghệ (guilds), một tổ hợp giữa giáo sư và sinh viên dưới quyền toà thánh.

Thành phố Paris vào năm 1438, sau một trăm năm chiến tranh với quân Anh, bị đói khổ. Mùa đông không có lò sưởi, dân chết đói, chết rét, lại thêm nạn dịch đậu mùa, hàng ngàn dân chết. Trong thành phố, gái giang hồ sông trong các túc quán, ai có tiền sẽ được chiêu đãi. Và Villon cũng lang chạ trong các túc quán này. Cuối thời Trung cổ, trong cảnh loạn lạc mà con người vẫn giữ được lòng yêu đời “joie de vivre”.

Bài thơ bất hủ: Các Mỹ nhân ngày xưa

Ballade des dames du temps jadis

Dictes moy ou, n'en quel pays,
Est Flora, la belle Romaine,
Archipiades, ne Thaïs,
Qui fut sa cousine germaine,
Echo parlant quant bruyt on maine
Dessus riviere ou sus estan,
Qui beaulté ot trop plus qu'humaine?
Mais ou sont les neiges d'antan?

Ou est la tres sage Hellois,
Pour qui fut chastré et puis moyne
Pierre Esbaillart a Saint Denis?
Pour son amour ot ceste essoigne.
Semblablement, ou est la royne

Qui commanda que Buridan
Fust geté en ung sac en Seine
Mais ou sont les neiges d'antan?

La royne Blanche comme lys
Qui chantoit a voix de seraine,
Berte au grant pié, Biétris, Alis,
Haremburgis qui tint le Maine,
Et Jehanne la bonne Lorraine
Qu'Englois brulerent a Rouan;
Ou sont ilz, ou, Vierge souveraine?
Mais ou sont les neiges d'antan?

ENVOI

Prince, n'enquerez de sepmaine
Ou elles sont, ne de cest an,
Que ce reffrain ne vous remaine:
Mais ou sont les neiges d'antan?

FRANCOIS VILLON

Chú thích về các nhân danh trong bài thơ trên

-Chữ FRANÇOIS có đuôi dưới chữ c. Chữ «OU» tiếng Pháp thời Trung cổ không có dấu huyền trên chữ «u» như tiếng Pháp thời nay. Chữ THAIS có hai dấu chấm trên chữ «i». Trong bài thơ trên có nhiều tiếng Pháp cổ viết hơi khác tiếng Pháp ngày nay.

-FLORA: gái giang hồ thượng lưu thành La Mã, bạn của Juvenal. Nhưng Flora cũng là tên nàng tiên của các loài hoa và mùa xuân trong thần thoại La-mã. Vì vậy mà danh từ «flora» trong thực vật học, nay chỉ tất cả những loài thảo mộc trong một vùng nào.

-CHIPIADES: có lẽ Villon ám chỉ cô gái giang hồ Hy Lạp Hipparchia hay người tình của Sophocles tên là Archippa, vợ của nhà hiền triết Hy Lạp Crates, sống ở thế



Pierre Abélard

Alexander đại đế trong các cuộc viễn chinh sang Á Châu. Sau này nhà văn Pháp Anatole France cũng thần tượng hóa nàng Thais trong một tác phẩm cùng tên.

-ECHO: tiên nữ trong thần thoại Hy Lạp, khao khát yêu chàng Narcissus, đến mực thân thể tiêu tan hết, chỉ còn giọng vang mà thôi. Cũng có tích kể rằng vị sơn thần Pan yêu nàng, nhưng nàng từ khước nên vì ghen tuông, Pan dụ cho bọn chồn cắn cừu giết nàng, xé xác thành từng mảnh, chỉ còn tiếng vang.

-HÉLOÏSE và ABÉLARD: [có 2 dấu chấm trên chữ i trong Héloïse] chuyện tình rất đẹp nhưng bi thảm, nàng Héloïse, một phụ nữ

thông thái (1101-1164), yêu vị thầy dạy kèm và hơn nàng 22 tuổi là ESBAILLART (Pierre Abélard, 1079-1142), một nhà triết học và thần học nổi tiếng tại nhà thờ Đức Bà. Tổ ấm nơi hai người kín đáo thành hôn và gặp nhau là căn nhà số 9 đường Quai du Fleurs. Khi nghe tin nàng có thai, người chú nàng lúc đó đang làm lớn ở nhà thờ Đức Bà, cho người bắt Abélard, thiến mất «của quý» của chàng. Sau khi bị hoạn, ước vọng trở thành giám mục tan thành mây khói, chàng trở vào tu viện, còn nàng thành



Blanche of Castile

nữ tu. Tập thơ tình của hai người thành nòng cốt cho một truyện tình ngang trái. Chữ «duple and teen» trong bản dịch của Rossetti bài thơ của Villon có nghĩa là “thương nhớ và đau xót».

-BURIDAN: Jean Buridan (1292-1363) giáo sư viện trưởng đại học Paris cùng đồ đệ, khi còn trẻ, theo truyện kể lại, mê bà hoàng Marguerite of Burgundy (Marguerite de Bourgogne) ở trong lâu đài Tour de Nesle. Hằng ngày, từ lâu đài nhìn xuống, bà hoàng đa tình này quyến rũ các chàng trai trẻ, nhất là các sinh viên. Sau khi thoả mãn, để êm nhem, bà hoàng, vợ vua Louis X, đem bỏ những người tình một đêm vào bị vải, cho người ném xuống sông Seine.

Nhưng giáo sư Buridan khôn ngoan, cho đồ đệ chờ một chiếc thuyền đầy rơm, chờ sẵn dưới sông; khi bà hoàng ném ông xuống, sau khi cùng ông ân ái, ông rớt trên thuyền rơm nên thoát chết. Sau chuyện tình tới tai vua, bà hoàng Marguerite bị kết tội ngoại tình và xử tử ngày 14 tháng 8, 1315.

-BLANCHE: bà hoàng Blanche of Castile, mẹ của vua Louis IX ở Pháp.

-BERTE AU GRANT PIÉ: Nàng Berte có bàn chân thô kệch, trời sinh có thân hình hộ pháp, vợ Pépin le Bref, và là mẹ đẻ ra Charlemagne (724-814) sau này là vua của người Franks và hoàng đế phía Tây xứ Pháp (742-834). Xem thêm Chanson de Roland.

-BIETRIS và ALIS: Trong tập thơ Chansons de Geste của Henri de Metz, Bietris là vợ Henri de Metz, Alis là mẹ của Henri.

-HAREMBURGIS:

là Arembour, vợ quận công Anjou, chết năm 1126.

-JEHANNE: đó là Jeanne d'Arc, liệt nữ xứ Lorraine, mộ quân chống quân Anh, sau bị đốt chết năm 1431. Người Pháp phong cho bà làm thánh tử đạo.



Jeanne d'Arc

Chú thích về các nhân vật trong đoạn trên và bài dịch của Rossetti lấy từ M.H. Abrams, et al. The Norton Anthology of English Literature (Revised), vol. I, (New York: W.W. Norton, 1968), p.377.

Bài dịch sang tiếng Anh:

The Ballad of Dead Ladies

Do Dante Gabriel Rossetti (1828-1882) dịch

Tell me now in what hidden ways is
Lady Flora the lovely Roman?
Where's Hipparchia, and where is Thaïs,
Neither of them the fairer woman?
Where is Echo, beheld of no man,
Only heard on river and mere—
She whose beauty was more than human?...
But where are the snows of yesteryear?

Where's Héloïse, the learned nun,
For whose sake, Abeillard, I ween,
Lost manhood and put priesthood on?
(From Love he won such duple and teen!)
And where, I pray you, is the Queen
Who willed that Buridan should steer
Sewed in a sack's mouth down the Seine?...
But where are the snows of yesteryear?

White Queen Blanche, like a queen of lilies,
With a voice like any mermaidén—
Bertha Broadfoot, Beatrice, Alice,

And Ermengarde, the lady of Maine...
And that good Joan whom Englishmen
At Rouen doomed and burned her there—
Mother of god, where are they then?...
But where are the snows of yesteryear?

Nay, never ask this week, fair lord
Where they are gone, nor yet this year,
Except with this for an overword...
“But where are the snows of yesteryear?”

Dịch nguyên văn

Hãy cho ta biết, ở xứ nào, nàng Flora, tiên nữ trong thần thoại La Mã, nàng Archipiades và nàng Thaïs là em gái họ của nàng, nàng Echo người khi thốt lên là những lời sóng vọng gần sông hay hồ, người có vẻ đẹp hơn người. Nhưng tìm đâu những áng tuyết năm xưa?

Bây giờ thì nàng Héloïse thông thái ở đâu, mà vì nàng mà chàng Pierre Abélard bị hoạn và phải thành một tu sĩ ở tu viện Saint Denis—chàng chịu nỗi hoạn nạn chỉ vì yêu nàng? Cảnh ngộ tương tự, bây giờ còn đâu bà hoàng người đã ra lệnh bỏ chàng Buridan vào bị và ném xuống sông Seine? Nhưng tìm đâu những áng tuyết năm xưa?

Hoàng hậu Blanche, trắng như bông huệ, người hát với giọng quyến rũ của nữ thủy thần, nàng Bertha trời sinh có đôi bàn chân thô kệch, nàng Beatrice, nàng Alice, nàng Haremburgis ngự trị vùng Main, và nàng Jeanne, người thiếu nữ chân thiện vùng Lorraine, mà quân Anh đem đốt sống ở Rouen—các nàng đó nay ở đâu? Họ nay ở đâu, thưa thánh nữ Đồng trinh? Nhưng tìm đâu những áng tuyết năm xưa?

ĐIỆP KHÚC

Xin Đức Chúa con trời, trong tuần này xin đừng tìm xem họ ở đâu, trong năm nay cũng đừng tìm xem họ ở đâu. Xin dâng ngài

điệp khúc này: Nhưng tìm đâu những áng tuyết năm xưa?

LẠM BÌNH

Tóm lại, trong bài ca bắt hủ của Villon, mà câu lấy lại “Mais où sont les neiges d’antan,” “Tìm đâu nhưng áng tuyết năm xưa,” câu hỏi như lời thương tiếc những vẻ đẹp của những người đàn bà nổi tiếng một thời, ngoài đời cũng như trong thần thoại: những kiều nữ, liệt nữ, dị nhân, những nữ thần mà nhan sắc từng làm say mê các chàng trai, cùng những nhà thông thái, một trang anh thư như Jeanne d’Arc từng đánh bại quân Anh xâm lược; những người đàn bà đa tình, hay đa tài mà bạc mệnh đó nay còn đâu?

Những lời than tiếc đó, dành cho những vẻ đẹp đã mất, là biểu tượng của những hình ảnh của tự do cá nhân trong một thời mà thần quyền và quân quyền còn gò bó con người tài nghệ.

Những truyện về các kiều nữ, kỳ nữ, liệt nữ trong bài thơ, có thật hay không, chắc không cần biết, chỉ cần biết là những hình ảnh của những người đẹp này đã là chất liệu cho nhà nghệ sĩ Villon, mà giữa văn sĩ và giai nhân, như Chu Mạnh Trinh đã viết, vốn “cùng một kiếp hoa nghiêm nặng nợ,” nên mới nhận là cùng một “nòi tình, thương người đồng điệu.” (“*Bài tựa Truyện Kiều*,” bản dịch của Đoàn Qui), khiến ta là người sau đọc vẫn thơ cũ của người xưa, không khỏi ngậm ngùi, “việc tuy khác nhau mà lòng thì là một; người đời sau thương người đời nay; người đời nay thương người đời xưa, hai chữ tài tình thật là một cái thông lụy của của bọn tài tử khắp trong gầm trời và suốt cả xưa và nay vậy.” (“*Bài tựa Truyện Kiều*” của Tiên Phong Mộng Liên Đường chủ nhân, làm tháng hai niên hiệu Minh Mệnh, in lại trong TRUYỆN THÚY KIỀU, do Trần Trọng Kim và Bùi Kỷ hiệu đính) (Saigon: Tân Việt, 1968, tr. XLVII).

Phong-tuyết chủ nhân Thập-thanh-thị viết năm mậu tí niên hiệu Minh Mệnh, rằng: “Ai đọc truyện Kiều mà hiểu được... thì cái người mà ta gọi là Thúy Kiều có thể sớm tối lúc nào cũng gặp được vậy.” (Sách vừa dẫn, tr. LII). Nếu hiểu và yêu những lời thơ trữ tình trong bài la ballade des dames du temps jadis với điệp khúc, “Mais où sont les neiges d’antan?” “But where are the snows of yesteryear?” “Tìm đâu những áng tuyết xưa?” của Villon thì những hình ảnh của các nàng kiều nữ như nàng Héloïse, bà hoàng khát tình Marguerite, tiên thần Echo (vì yêu mà thân xác tàn tạ), tiên nữ Flora của các loài thảo mộc, dù cách xa ta hàng trăm hàng ngàn năm, nhưng biết đâu có thể, như người xưa đã nói, “sớm tối lúc nào cũng gặp được vậy.”

Bản nhạc phổ từ bài thơ:

=> Nghe Georges Brassens phổ nhạc bài thơ của Villon và hát bằng cách vào Google đánh hàng chữ “La ballade des dames du temps jadis brassens” hay vào <http://www.youtube.com/watch?v=87g34eZoAuQ>

=>Xem thêm: David Lý Lăng Nhân dịch bài thơ này sang văn vần và Thomas D. Le dịch bài thơ này sang thơ Anh đăng trong: <http://thethehuuvandan.org/lit.html#villon>
Sách tham khảo:

Robert Anacker. FRANÇOIS VILLON. New York: Twayne Publications, 1968.

David A. Fein. FRANÇOIS VILLON AND HIS READER, Detroit: Wayne University Press, 1989.

John Payne, trans. POEMS BY FRANÇOIS VILLON. New York: The Modern Library, 1918.

Pierre le Gentil. VILLON (Connaissance des Lettres). Paris: Hatier, 1967.

Phạm Trọng Lê,
Virginia 10/1/93; sửa lại 5/8/11

MON SLOW

Mon slow

Une mélodie qu'on oublie depuis qu'on est là

Mon slow

Un bonheur qu'on attend depuis qu'on se quitte

Mon slow

Un amour bohème qu'on ignore

Mon slow

Un départ paumé qu'on recueille.

Mon slow

C'est un bonheur qui meurt à la fin d'un soir

Mon slow

C'est un amour qui vit jusqu'à la mort

d'une voix

Mon slow

C'est comme nos corps qui se balancent au fil

d'une nuit

Mon slow

C'est comme si on se retrouve au lit

chaque nuit.

Viens danser sur mon slow

Oublie que je suis là

Et que je chante pour toi

Accroche-toi à mon amour

Et danse jusqu'à la fin

De mon slow.

Mon slow

Un amour de bohème qu'on ignore

Mon slow

Un départ paumé qu'on recueille.

Diễm Hoa

(Virginia)

HOA TIM

TIỂU THU

Tôi nay, trong số e-mail vừa gởi tới cho Trang nhà đồng hương, Sinh nhận được một bài thơ khiến chàng ngạc nhiên không ít. Tựa đề chỉ một chữ "Anh..." đơn giản.

.....
*Đọc anh, tôi có lại giấc mơ hồng
Tuổi khờ dại của thời còn con gái*

.....
*Bụi thời gian phủ kín nét thơ ngây
Sỏi đá mới lấp đầy gương mặt cũ
Trang lòng anh nếu còn khe "học tử"
Cho hôn tôi khếp nép đứng cuối hàng...*
Hoa Tim

Thì ra nàng vẫn còn nhớ đến ta. Bỗng dưng Sinh cảm thấy bồi ngùi, xót xa lẫn mặc cảm đã từng có lỗi với nàng. Người con gái dịu hiền, xinh đẹp một thời đã yêu chàng say đắm. Sinh làm sao quên được những bức thư nồng nàn, thiết tha từng lời, từng câu với chữ ký mềm mại và mang đầy ý nghĩa "Hoa Tim" nàng đã gởi cho Sinh.

Là một người lính phong sương, sau những ngày dài hành quân gian khổ, nay Dakto, mai BenHet, DakBek... giữa súng đạn mịt mù và tử thần luôn rình rập, những ngày về thành phố, sự có mặt của Hoa Tim khiến Sinh cảm thấy cuộc đời vẫn còn rất đáng yêu.

Đĩ vãng hiện về khiến Sinh thấy bức rức. Chàng đứng lên đi pha cho mình tách cà phê. Đàng nào thì cũng mất ngủ. Tối nay những bóng hình của ngày xưa thân ái sẽ lần lượt hiện về trong tâm trí. Sinh thừa biết, nhớ đến Hoa Tim, chàng không thể quên được những hình bóng khác. Những "cố nhân" từng mang

đến cho chàng nhiều hạnh phúc cũng như khổ lụy. Dù trải qua những ly tan, mất mát... hình bóng họ vẫn còn đó, y nguyên trong tim chàng. Như thuở ban đầu.

Trái tim mười tám còn xanh tươi của chàng lần đầu tiên đập lỗ nhịp vì một người con gái tên Hồng. Con gái cao nguyên cô nào cũng đẹp, cũng môi thắm má đào. Tóc thè xõa ngang vai óng ả. Phải nói là Hồng có một nét đẹp đài các, cao sang. Thân hình dong dỏng, mảnh mai, mềm như một cành liễu rủ. Khuôn mặt trái soan trắng ngần với núm đồng tiền lúm sâu trên má đầy duyên dáng. Biết bao lần Sinh đã ước ao được đặt nụ hôn lên đó, nhưng những lời thì thầm của chàng chỉ nhận được cái véo, cái nhìn đầy trách móc của Hồng. Nụ cười, ánh mắt của nàng đã khiến bao chàng trai trẻ ngất ngây, nhưng nàng chỉ dành riêng cho Sinh. Với một người yêu như thế, chàng còn ước mơ gì nữa? Sinh nghĩ chàng là người hạnh phúc nhất trên đời.

Con đường nhà nàng rợp bóng mát giữa hai hàng cau. Sinh yêu quá những thân cau thanh mảnh, thẳng đuột với tàu lá mong manh, đẹp như những bàn tay thiếu nữ nuột nà. Họ đã từng sóng vai đi trên con đường tình từ nhà thờ gỗ Phương Nghĩa, thẳng đến hang đá Đức Mẹ và những lời thề non hẹn biển đầy chân tình đã được trao nhau tại nơi này. Họ cũng từng tay trong tay ngắm hoàng hôn phố núi. Những buổi hoàng hôn kỳ diệu đẹp như mơ.

Rồi một ngày, Sinh quyết định xếp bút nghiên để vào trường Bộ Binh Thủ Đức và sau đó được qua Mỹ học OCS. Chàng yên tâm ra đi vì tin tưởng tuyệt đối vào tình yêu của hai người. Mỗi tuần một lá thư. Những lá thư chuyên chờ bao lời nhớ thương nồng cháy. Sinh đọc đi đọc lại hàng chục lần không biết chán. Những bức thư như liều thần dược giúp chàng chịu đựng tất cả những gian khổ trong thời gian thụ huấn ở quân trường...

Nhưng rồi, những cánh thư xanh thưa dần và đứt hẳn. Sinh hoang mang, khổ sở. Nhưng cuối cùng câu trả lời từ quê nhà, qua một người bạn cũng đến: Hồng đã lên xe hoa! Chàng bàng hoàng, đau đớn trước tin vui của người yêu... cũ. Bao nhiêu ước mơ đã tan thành mây khói. Tê điếng trong nỗi đau mất người yêu, Sinh đứng đung với tất cả. Mọi thứ đều không còn quan trọng trong mắt chàng. Tình yêu đầu đời đã khép lại ở tuổi hai mươi. Trở về chốn cũ, Sinh âm thầm đếm bước dưới hàng cau, những chứng nhân thầm lặng của mỗi tình đã mất:

*Thơ thần một mình dưới hàng cau
Cau xưa vẫn khấn khít cùng trầu
Nhớ em, anh nhắn thầm trong gió
Tim không ai cứu sao nhói đau**

Bây giờ chúng giống như hai hàng nến thấp, tiễn đưa mỗi tình đầu của chàng vào quên lãng. Nhưng giờ phút này, dù đã quá nửa cuộc đời, vẫn lại tận cùng trong sâu thẳm, chàng thấy bóng hình Hồng vẫn còn đó, ngạo nghễ với thời gian. Hồng ơi!

*Phải đâu anh chẳng khát thèm
Để dành trái cảm cho đêm đôi đời
Mộng lòng thác lũ cuốn trôi
Hoa đưa ong bướm vào đời trước anh!**

Sinh tự hỏi làm thế nào Nàng có thể đang tâm gạt bỏ hết những kỷ niệm của một thời thanh mai trúc mã? Làm thế nào Nàng có thể quên được cái thưở bị cơn bệnh dập vùi, Sinh đã bón cho Nàng từng muỗng cháo trắng, cho đến khi lành bệnh? Rồi còn chiếc áo. Chiếc áo lót thắm đậm hương tình nàng đã gởi trao và chàng đã giữ gìn như một bảo vật? Nhưng mọi sự đã qua, có níu kéo cũng bằng thừa. Chỉ trách nàng đã không hiểu lòng ta. Đã đánh giá sai tình yêu của ta dành cho nàng.

*Cuối cùng anh đã hiểu
Vì sao em bỏ anh
Em không muốn anh chịu*

*Thiệt thời chữ trung trinh
Em ngại ngừng như thế
Vì chưa hiểu tình anh
Vạn vật vô nguyên thế
Làm sao có nguyên trinh?**

Hồi hương, Sinh được đổi về làm việc tại quê nhà. Là con chiên ngoan đạo, chàng không bao giờ bỏ lễ ngày Chúa Nhật. Hoa Tim cũng thế. Hai người thường gặp mặt ở nhà thờ Tân Hương. Thỉnh thoảng trao đổi những câu chào hỏi lịch sự. Thế thôi. Người con gái đẹp nhất ở tuổi đôi tám. Với mái tóc dài mượt như nhung và thân hình cân đối tuyệt vời, làn da nâu hồng ấm áp, Hoa Tim là đối tượng cho nhiều chàng theo đuổi. Nhưng trái tim nàng chỉ rung động trước chàng lính trận đẹp trai, hào hoa, nhuốm một chút phong sương tên Sinh. Phần chàng, vết thương lòng còn quá sâu đậm nên không hề để ý. Cho đến một hôm, cơn mưa tháng sáu đã là nhíp câu nối hai người lại với nhau. Đúng là:

*Tháng sáu trời mưa, trời mưa không dứt
Trời không mưa anh cũng lạy trời mưa
Anh lạy trời mưa phong kín đường về...*

Nhờ cơn mưa hạ giữ chân mà họ có thì giờ trao đổi với nhau dăm ba câu chuyện. Chàng chợt khám phá ra Hoa Tim rất xinh đẹp và dễ thương. Sinh quyết định lật trang sử buồn tên Hồng sang một bên. Nàng đã là dĩ vãng. Cuộc đời vốn ngắn ngủi. Hơn nữa, đời lính chiến biết đâu là tương lai. Chỉ cần một viên đạn vô tình là người lính trận gục ngã dễ như chơi. Chết mà còn chưa hay mình đã chết! Sao có thể phí phạm thời gian cho một cuộc tình không trọn vẹn? Hơn nữa, đâu phải ta là người tình phụ?

Cơn mưa vừa dứt hạt, Sinh nghĩ ý muốn đưa Hoa Tim về nhà. Nàng e lệ nhận lời. Tuy ba mẹ rất khó tính, nhưng nàng bất chấp. Cơ hội khó có thể đến lần thứ hai. Con đường từ

nhà thờ Tân Hương về nhà nàng ngoài phố khá xa. Cả hai sóng bước dưới hàng phượng vĩ trên con đường Phan Thanh Giản. Con đường đẹp và thơ mộng nhất tỉnh ly Kontum. Con đường có trường Nữ Trung học Têrêsa quy tụ những nàng con gái đẹp nhất tỉnh. Mỗi lần tan trường, bao nhiêu cây si chực chờ trước cổng, để đôi mắt đắm đuối nhìn theo những tà áo dài trắng thướt tha, chiếc nón lá che không kín những khuôn mặt xinh đẹp, những ánh mắt long lanh giấu sau vành nón. Biết bao là tình!

Vài năm trước đây, Hoa Tim cũng là học trò trường này. Đường dài bao nhiêu rồi cũng phải tới. Huống hồ từ đường Phan Thanh Giản quẹo qua Lê Thánh Tôn, đi độ mười phút là đến nhà nàng. Đưa người đẹp đến trước cửa, Sinh chào từ giã. Nàng nhìn theo với ánh mắt đong đầy lưu luyến. Chàng bước đi những bước nhẹ như thơ. Chàng vốn là người thơ.

Rồi những lần đón đưa tiếp diễn. Những hò hẹn khi Sinh từ chiến trường về. Cầu Dakbla, Phương Hòa, Paradise, làng Kon Hra, thác Yaly ... đều có in dấu chân của hai người tuổi trẻ. Có lần Hoa Tim đã nói với Sinh rằng trong các môn học, nàng kém nhất Anh văn và nhờ Sinh đến nhà kèm. Nàng biết Sinh giỏi tiếng Anh, vì đã từng đi du học Mỹ. Khó chối từ, Sinh đã đến nhà mỗi tuần một lần để kèm môn Anh văn cho Hoa Tim. Nhưng chàng khám phá ra cô nàng rất khá môn này, nếu không muốn nói là giỏi! Thì ra, khi yêu, các cô cũng biết dùng thủ đoạn để có thể gần gũi người yêu một cách danh chính ngôn thuận tại nhà. Khởi phải hỏi hớp, mắt la mảy lét sợ ông bà bỏ bắt gắp trong những lần hẹn hò lén lút.

Sinh không khỏi mỉm cười khi nhớ lại cuộc hẹn lần đó. Bất chấp trời tối mịt mờ và cơn mưa lất phất, Sinh đến điểm hẹn tại gốc cây đa cổ thụ, không xa nhà Hoa Tim là mấy. Nơi đây có cái miếu thờ nên trông càng âm u,

khiến ai cũng phải rùng mình, không dám bén mảng lại gần khi màn đêm buông xuống. Sinh đợi một hồi lâu thì thấy Mai, cô em gái của Hoa Tim lò dò đi tới. Cô nhỏ bảo chàng đi về, Hoa Tim không đến được vì Mai láu táu làm bật mí chuyện hẹn hò của cô chị, nên ông bà đã hạ lệnh "thiết quân luật" không cho ra khỏi nhà! Ông bà phải bảo vệ cô con gái rượt thật gắt gao. Vì có một sĩ quan cấp tá đang ngắm ghé Hoa Tim. Với tuổi đời chưa quá hai mươi, một bước lên chức bà Thiếu tá thật oai phong. Nhưng ông bà bỏ không biết trái tim của con gái đã có người ngự trị. Chàng thua ông Thiếu tá về cấp bậc, nhưng chàng có tuổi trẻ và dáng dấp hào hoa.

Và quan trọng hơn hết chàng có một đồng minh lý tưởng: Mai, em gái của Hoa Tim. Mai còn nhỏ nhưng nhanh nhẹn và thông minh. Cô bé thương mến Sinh còn hơn cô chị, nên đã tình nguyện làm chim xanh liên lạc cho hai người. Dĩ nhiên Mai ước ao Sinh sẽ là anh rể của cô trong tương lai. Những buổi hẹn hò của hai người đều có bàn tay cô bé nhúng vào. Cô bé chăm chăm lo bảo vệ tình yêu của cô chị. Gặp Sinh nói chuyện với người con gái lạ nào là cô ta phải tìm cách xen vào và đặt những câu hỏi đầy vẻ ngây thơ... vô số tội: "Chị là em họ của anh Sinh hả? Anh ấy là anh rể tương lai của em đó". Có nghĩa là: Chị đừng hồng... léng phéng với anh Sinh! Đúng là bé hạt tiêu!

Sinh thường chở Hoa Tim bằng Honda qua làng Phương Hòa mua nhãn, mít. Đi Paradise ngắm trời mây, sông nước hữu tình. Phong cảnh nơi này thật hợp cho những kẻ yêu nhau. Giòng sông Dakbla chảy đến đây bỗng hiền hòa hẳn. Trời lững lờ giữa những lũy tre xanh lá ngọn, đong đưa trong gió, xa xa là rặng núi xanh lam một màu. Toàn thể đẹp như tranh. Liều nhất là lần Sinh chở Hoa Tim đi chơi thác Yaly. Cả hai cũng đi bằng Honda. Trên con đường dài mấy chục cây số,

Hoa Tim đã ôm chặt vòng eo và âu yếm ngả đầu vào vai người yêu, lòng lâng lâng một nỗi hạnh phúc khó tả.

Sinh biết Hoa Tim yêu chàng say đắm. Tuy rất muốn xóa bỏ hình bóng Hồng trong tâm khảm, nhưng "dầu lia ngó ý còn vương tơ lòng". Trong giấc mơ, thỉnh thoảng Sinh vẫn thấy mình sống bước cùng người cũ đi trên con đường tình của những ngày xưa thân ái. Giật mình tỉnh dậy, tim chàng vẫn còn đập những nhịp bồi hồi. Người ta bảo mỗi tình đầu bất diệt, quả không sai. Vì thế đối với Hoa Tim, tình cảm chàng chưa có gì rõ rệt.

Chàng chỉ thấy mình rất thích Hoa Tim. Thích nghe những lời nói dịu dàng, ngọt ngào dễ thương của nàng. Nhưng hoàn toàn không có những rung động, những hồi hộp, những nhớ nhung... như ngày xưa với Hồng. Trái lại, Hoa Tim yêu là yêu, không hề tính toán. Đã có lần nàng trả lời thẳng câu hỏi của Sinh "Em biết yêu anh là khổ. Nhưng em khổ nhiều rồi, có khổ thêm cũng chẳng sao"! Miễn Hoa Tim được yêu chàng là cảm thấy hạnh phúc. Nàng không hề đòi hỏi được trả lại. Hoa Tim còn hồn nhiên bộc lộ tình yêu của mình không hề e ngại. Thỉnh thoảng một người bạn gặp Sinh, cười cười bảo chàng:

-Có em mày đi kiếm đó. Mới hỏi tao.

Và Sinh ngạc nhiên hỏi lại:

- Em tao? Em nào?

Người bạn ranh mãnh:

- Hoa Tim. Thì cô ấy hỏi "Anh có thấy anh Sinh của em ở đâu không?" hìhì.

Nàng đã cặm cụi thêu chiếc áo gối tặng chàng. Học trò trường bà Sơ có khác. Đường

kim mũi chỉ thật sắc sảo, màu sắc hài hòa. Đôi chim Loan Phượng đẹp lộng lẫy uốn mình vờn nhau với hai câu thơ:

*Có em trong giấc mộng lành
Ru anh tiếng hát xuân xanh một đời.*

Chắc hẳn nàng thầm ao ước sẽ cùng Sinh sống trọn một đời. Khi yêu ai mà chẳng mong cầu như thế nhỉ? Còn gì buồn hơn, khi lên xe hoa về nhà chồng với một tâm tư khác ngoài "... Đòi một người con gái ước mơ đã nhiều, Trời cho không được mây. Đến khi lấy chồng, chỉ còn mỗi tình... mang theo!"... Tất cả tình

yêu đầu đời nàng đã dành trọn cho Sinh, vì chàng mà nàng đã từ chối lời cầu hôn của viên Thiếu tá trước sự thất vọng của gia đình.

Khi định cư ở Florida, một buổi chiều ngồi ngắm hoàng hôn bàng lãng, mặt trời đã chìm xuống mặt biển, chỉ còn những tia nắng cuối lóe lên rực rỡ từ phía chân trời. Nhớ đến Hoa Tim, tức cảnh sinh tình,

Sinh đã làm một bài thơ. Bài thơ về chiếc gối để tạ tấm chân tình sâu nặng của nàng đã dành cho mình:

*Không biết em yêu từ bao giờ
Thêu trên mặt gối mấy vần thơ
Gối ghém tình em trong gối mộng
Triu mến trao anh lúc đợi chờ*

*

*Thơ thêu trên gối là thơ mộng
Mộng tình trong gối là mộng mơ
Gối mộng giờ đã chìm theo mộng
Tình em chỉ còn lại trong mơ!**



Có thể với thời gian, tình yêu của Sinh đối với Hoa Tim sẽ nảy nở. Một ngày nào đó chàng sẽ thật lòng yêu người con gái dịu hiền này. Nếu, phải, nếu không có buổi chiều định mệnh đó. Sinh từ chiến trường Dak Seang về. Đầu óc còn đầy hình ảnh chết chóc, khói lửa ngút trời. Cái chết thảm thương của cô nữ phóng viên người Á Rập xinh đẹp khiến Sinh bị sốc nặng. Chàng vừa tắm rửa thay quần áo thì có Quân đến rủ đi uống nước. Quân là bạn thân của Sinh. Anh chàng cũng trong tình trạng độc thân vui tính nên rất hợp nhau. Cả hai chờ nhau đến dãy quán ở Hàng Keo. Những chiếc kiosk này chạy dài từ góc đường Trình Minh Thế tới công sân vận động, đầu đường Cường Để. Chúng quay mặt ra đường Lê Thánh Tôn và quay lưng vào sân vận động.

Ngồi trước ly đá chanh pha rum (mà cô chủ quán tên Hương đã ưu ái thêm vào đặc biệt cho Sinh), với giọng buồn buồn chàng kể cho Quân nghe trận đánh ác liệt vừa qua:

..."Chiếc trực thăng thả toán Special Forces Mỹ, một cô phóng viên chiến trường người Á Rập và tao xuống tiền đồn Dak Seang vào buổi trưa. Mục đích là từ đây họ sẽ theo toán lính "Green Beret" Mỹ tìm xác Đại Úy X..., con trai của vị Tướng Tư lệnh Sư Đoàn 4 Không Ky Hoa Kỳ. Khi trực thăng vừa "take off" thì trại bị pháo kích. Tao ra dấu cho cô nhà báo Á Rập lom khom chạy theo xuống hầm chỉ huy. Đại Úy Sánh bảo tao: "Mày còn chờ gì nữa mà hỏng dẫn con ghê này ra ngoài làm ăn. Tụi nó tràn dzô bây giờ đó". Tao vội vàng khều cô bé cùng chui vào một "hang chuột". Từ hầm chỉ huy này có giao thông hào thông ra các tuyến. Trên các giao thông hào được che bằng vĩ sắt lỗ "psp", bên trên vĩ sắt là bao cát. Ra đến tuyến phòng thủ cả hai gặp mấy chàng Mũ Xanh Mỹ đang sẵn sàng tác chiến. Khi nghe họ nói "Don't worry. Everything's under control" mặt cô bé phóng viên Á Rập tươi lên. Đôi mắt cô trong xanh và

sâu thăm thẳm. Hai hàng mi dài cong vút. Môi đỏ thắm tự nhiên, bờ môi trễ xuống như mời gọi. Phải công nhận cô bé đẹp thật!"

Quân ngắt lời, cười:

- Đúng là... mà! Trong lúc đầu sôi lửa bỏng mà còn có thì giờ thấy con người ta... đẹp hấp dẫn!

- Bẩm tính trời sanh mà mà! Thấy thứ gì... đẹp là bộ óc nhạy cảm của tao "nhá đèn" báo hiệu liền tù tì! Thôi để tao kể tiếp:

..." Đúng như Đại úy Sánh tiên đoán, pháo vừa dứt thì người ở đầu trào ra như kiến. Tiếng hô xung phong, tiếng kèn thúc quân, tiếng súng đủ loại từ ngoài bắn vào trại nổ liên hồi. Trong khi đó, quân trú phòng vẫn im lặng chờ. Rồi lệnh khai hỏa ban ra. Phía trong bắn trả dữ dội. Khẩu đại liên 30 trước mặt tao nhả đạn từng tràng, gầm lên như sư tử rống. Vô đạn vắng tung tóe. Cô phóng viên Á Rập say sưa thu hình. Tao biết cô ta ghi được những hình ảnh đẹp từ khẩu đại liên đang nhả đạn xuyên qua rào kẽm gai ra tới ngoài. Nhưng tao lại có những hình ảnh đẹp hơn. Tao quay từ sau lưng một nữ phóng viên, qua khẩu đại liên đang gầm thét, xuyên nhiều lớp hàng rào kẽm gai ra xa... Khói lửa mịt mù, đạn pháo cày tung đất đá. Tao lia máy quay phim từ trái sang phải, "zoom" máy từ xa đến gần để sẵn môi. Bỗng nhiên tao thấy mặt nàng chần vẩn trong ống kính. Nàng cười thỏa mãn vì đã "hù" được tao. Nàng ra dấu đổi chỗ. Tao tiến tới trước để nàng ra sau quay. Tao tựa máy lên bao cát, khom người xuống và tiếp tục quay. Một lúc sau, thời gian đã đủ cho nàng, tao quay lại định hỏi nàng OK chưa, thì hơi ôi! Nàng đã buông máy, người bật ngựa về phía sau, mắt tròn trũng. Một viên đạn xuyên qua field jacket ngay giữa ngực, máu tuôn xối xả. Tao chạy lại bên anh lính Mỹ hét lớn: "Medic! Medic!" và chỉ tay về phía cô phóng viên. Một người xách thùng cấp cứu phóng lại đưa ngón tay sờ

vào cổ, rồi đưa lên mũi nàng, đoạn quay lại nói với tao: "Sorry!". Sorry? Chỉ vậy thôi sao? Không còn gì để nói thêm sao? Tao vuốt mắt và nói thắm vào tai nàng: "I didn't ask your name. Sorry!"

Hai người lính y tá Việt Nam đem băng ca và thuốc men đến nhưng đã trễ! Tao giúp họ đặt nàng nằm trên băng ca và xếp hai bàn tay nàng lên bụng. Tao để máy ảnh và dụng cụ hành nghề của nàng lên băng ca với nàng. Tao nhìn mặt nàng lần cuối, trước khi tấm poncho phủ kín cuộc đời son trẻ quá ngắn ngủi của nàng. Họ khiêng thân xác và sự nghiệp của nàng vào hầm chỉ huy. Tao nói lời cuối "Rest in peace!"

Trận chiến vẫn tiếp diễn thật ác liệt. Phi pháo yểm trợ và quân trú phòng bắn không tiếc đạn. Hòa châu soi sáng suốt đêm. Nhìn những chiếc dù trái sáng, Tao nhớ đến bản nhạc "Những Đóm Mắt Hòa Châu" và nhớ đến cặp mắt to trong xanh sâu thẳm tinh tú của nữ phóng viên A Rập đã khép lại chiều nay!*

Kể xong, Sinh bung ly nước uống một hơi, như muốn dẫn cơn giận đang nổi dậy:

- Mà có thấy cuộc đời thật vô lý không Quân? Một người con gái trẻ đẹp, tràn đầy nhựa sống như thế. Vài giờ trước còn hân hoan leo lên chiếc trực thăng cùng với tao ra chiến trường, không may mà ngờ rằng đó là chuyến đi cuối cùng của đời nàng. Chỉ một viên đạn nhỏ bé mà có uy lực cướp đi một cuộc sống. Nàng như một đóa hoa vừa hé nở đã tan tác trong cơn bão tố. Chỉ nghĩ đến sự đau đớn của ba mẹ nàng khi hay tin là tao cảm thấy nhói trong tim!

- Sao hôm nay mà lạ vậy? Từ bi bắt ngờ? Quân không giấu được sự ngạc nhiên.

Sinh lắc đầu, mắt nhìn xa vắng:

- Tại mà không chúng kiến tận mắt nên không thể hiểu được tâm trạng của tao! Hai bên bắn giết nhau toi bời hoa lá. Càng giết địch quân càng nhiều càng tốt. Hai bên đều

chết như rạ. Phía Bắc quân có những đứa trẻ thật trẻ. Mặt búng ra sữa. Mà không thấy là tàn nhẫn lắm sao? Tụi chóp bu ngoài đó ăn gì mà ác thế hở mày?

Quân chép miệng:

- Ừ, thì chiến tranh nào mà không có chết chóc? Biết là phi lý nhưng con người muôn đời vẫn tìm tất cả lý do để tạo ra chiến tranh...

Quân đang nói bỗng thấy Sinh nhìn đăm đăm sang bên kia đường, mặt đầy vẻ ngạc nhiên. Quân đưa mắt nhìn theo. Từ trong tiệm tạp hóa, một thiếu nữ mặc quần tây màu xanh đậm, áo trắng, tóc ngắn ngang vai đang đi ra. Cô bé gầy, cao vừa phải, khuôn mặt không có gì đặc biệt, nhưng tỏa ra một sức thu hút khiến Sinh không thể rời mắt. Nàng đang cười với ai đó trong tiệm và mang luôn nụ cười ra ngoài. Nụ cười khiến khuôn mặt nàng rạng rỡ. Cô bé không đẹp nhưng xinh xắn và có nét thơ ngây như một thiên thần. Bỗng dung Sinh tự nhủ "thiên thần của ta đây", dù chưa biết tên tuổi của cô bé. Nàng lên chiếc xe đạp dựng trước tiệm đạp đi mất hút mà Sinh còn ngẩn ngơ. Quân nhìn bạn lắc đầu, linh cảm có một sự thay đổi nào đó trong tâm trí thẳng bạn thân.

Thế rồi, những lúc không đi làm phóng sự chiến trường, nơi xảy ra những trận đánh khốc liệt, Sinh lại ra quán cô Hương ngồi đồng, chờ bóng dáng thiên thần xuất hiện. Tuy hết sức kín đáo, nhưng cô chủ quán tinh ý cũng khám phá ra bí mật này. Một hôm cô ỡm ờ hỏi:

- Sao ông quan, rượu trong ly đá chanh ngon không?

Sinh thật thà gật đầu và cô chủ tên Hương cười lém lỉnh:

- Tại rượu được nấu bằng gạo ngon mà li. Có muốn Hương giúp không?

Sinh lắc đầu. Không hiểu sao Sinh có linh cảm người con gái đó không bao giờ thuộc về chàng. Có lần ngồi cạnh cô bé đi học

về. Nàng vẫn đi ngang quán cô Hương. Sinh làm như vô tình từ trong quán đi ra, giả vờ rót xâu chia khóa trước mặt nàng. Chàng cúi xuống lượm, ngẩng lên nhìn cô bé. Bốn mắt nhìn nhau, nhưng Sinh chỉ đọc được sự ngạc nhiên, e ngại và thoáng chút thẹn thùng trong đôi mắt nâu. Thế thôi. Nhưng không hiểu có một động lực gì khiến đôi chân chàng vẫn đưa đến quán cô Hương những khi rảnh rỗi, ngồi đó và chờ cô bé đi học về. Chỉ để nhìn nàng. Sinh cũng không thể hiểu nổi mình. Cô bé không đẹp lộng lẫy như Hồng, không hấp dẫn như Hoa Tim. Vậy sao chàng từ chối tình yêu say đắm của Hoa Tim để ra ngồi đây, uống bia và chờ nhìn thấy cô bé, dù chỉ trong chốc lát?

Sinh không còn hò hẹn với Hoa Tim nữa khiến nàng rất đau khổ. Sau cùng Hoa Tim cũng biết lý do và đã đổ rất nhiều nước mắt. Dù rất trân quý mỗi tình của nàng dành cho Sinh, biết làm sao hơn? Chàng không thể tiếp tục dối lòng, cũng như dối Hoa Tim. Nàng là một người con gái thuần khiết. Đã an ủi chàng trong những ngày đen tối nhất để chàng có thể quên dần hình bóng của người xưa. Có lần Sinh đang ngồi trong quán, Hoa Tim đi vào. Nàng bình thân kéo ghế ngồi cạnh Sinh, vẫn tươi cười như không hề biết chàng ngồi đây để làm gì? Riêng Sinh thì cảm thấy rất áy ngại và mặc cảm có lỗi với Hoa Tim. Dù chưa bao giờ nàng lên tiếng đòi hỏi bất cứ điều gì nơi chàng. Chính điểm này càng làm cho Sinh không thoải mái! Chàng nợ nàng nhiều quá. Nhưng yêu hoặc không yêu. Chàng thừa biết không đời nào Hoa Tim chấp nhận lòng thương hại của chàng. Thôi thì đành làm kẻ vô tình. Nỗi đau nào rồi cũng sẽ qua. Như chàng. Mỗi tình đầu mãnh liệt, ngất ngây...những khổ đau trùng trùng rồi cũng lắng dịu, tuy không bao giờ phai mờ trong tâm khảm. Chàng cũng mong Hoa Tim hiểu và tha lỗi cho chàng.

Rồi một ngày từ chiến trường về, Sinh ra ngồi quán cô Hương như thường lệ. Sau khi mang cho chàng chai bia, Hương ngập ngừng:

- "Người ta" đi rồi...

- Hà? Ai? Sinh thảng thốt hỏi.

- Thì người mà ông quan chờ đợi đó...

- Sao Hương biết? Sinh còn nghi ngờ.

- Hôm kia Hương thấy cô ấy trên xe với chiếc va ly to tướng. Nghe đâu về Sài Gòn.

- Ô! Chàng chỉ nói được có thế, rồi im lặng uống bia. Buổi tối hôm đó, Sinh trở về trên đôi chân không còn vững vàng:

Dãy phố "Hàng Keo" đèn thiếu sáng

Sao trời buồn rơi rụng lang thang

Một gã si tình say túy lúy

Khua gót giày xiêu vẹo đường hoang

Hè phố về khuya thưa vắng quá

Người rời xa thành phố hỏi nào

Gã tương tư bị người đốn ngã

*Say men tình rồi thân lao đao!**

Từ đó Sinh từ giờ luôn dãy phố Hàng Keo. Thiên thần đã chấp cánh bay xa... thật xa... Chàng biết con người không thể nói lý lẽ với cuộc đời. Những nhát đòn do cuộc đời giáng xuống, chỉ đành cắn răng hứng chịu mà thôi. Đừng hỏi tại sao, vì không bao giờ có câu trả lời. Chỉ có điều, tự trong thâm tâm, Sinh cảm thấy còn nợ Hoa Tim, người con gái một thời đã yêu chàng tha thiết, hôm nay vừa gửi đến chàng những giòng thơ đượm nét u hoài của một tình yêu không trọn vẹn. Sinh nợ Hoa Tim một lời xin lỗi chân thành.

Ngàn lời xin lỗi "Hoa Tim"

Vạn lần tạ tội tình em lỡ làng

Làm sao trở lại địa đàng

*Khi anh là gã lang thang giữa đời!**

Xin lỗi em, Hoa Tim!

(Viết thay cho một người)

* Thơ Vũ Thụy